TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2019.
V/v ly hôn giữa ông Nh và bà M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Văn Rạng.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

Ngày 16/9/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân Nh, sinh năm 1942;
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1954;
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa có mặt ông Nh, vắng mặt bà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2019 cũng như lời khai ông Nguyễn Xuân Nh tại phiên tòa thể hiện: Ông kết hôn với bà Trần Thị M vào tháng 9 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn R được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đó cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị M.

Về con chung ông Nguyễn Xuân Nh xác định giữa ông và bà Trần Thị M không có con chung.

Về tài sản chung ông Nguyễn Xuân Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ông Nh đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay bà Trần Thị M vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng bà M đã có bản tự khai đề ngày 16/8/2019 thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều ông Nh đã trình bày tại Tòa án. Vợ chồng chung sống được 05 năm thì ly thân. Nay ông Nh có đơn xin ly hôn với bà M, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung ông Nguyễn Xuân Nh và bà Trần Thị M không có con chung. Về tài sản chung: Giữa ông Nh và bà M không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân Nh và bà Trần Thị M đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn R, huyện N. Nay ông Nguyễn Xuân Nh có đơn xin ly hôn bà Trần Thị M và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Việc kết hôn giữa ông Nguyễn Xuân Nh và bà Trần Thị M vào tháng 9 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn R là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dẫn đến vợ chồng ly thân nhau. Nay ông Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, bà M xét thấy tình cảm vợ chồng với ông Nh không còn nên cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy việc ông Nh và bà M sống ly thân đã lâu không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân Nh.

[3] Về con chung và tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân Nh và bà Trần Thị M đều xác định vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung, không yêu cầu toà án xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Xuân Nh là người cao tuổi nên ông Nh được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân Nh và bà Trần Thị M.

2 – Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân Nh. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông Nh đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0000702 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn R;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(Đã Ký)

Phạm Hùng Phương